

EWD (Sơ đồ mạch điện)

Bối cảnh của chương

Chương này trình bày về sơ đồ mạch điện

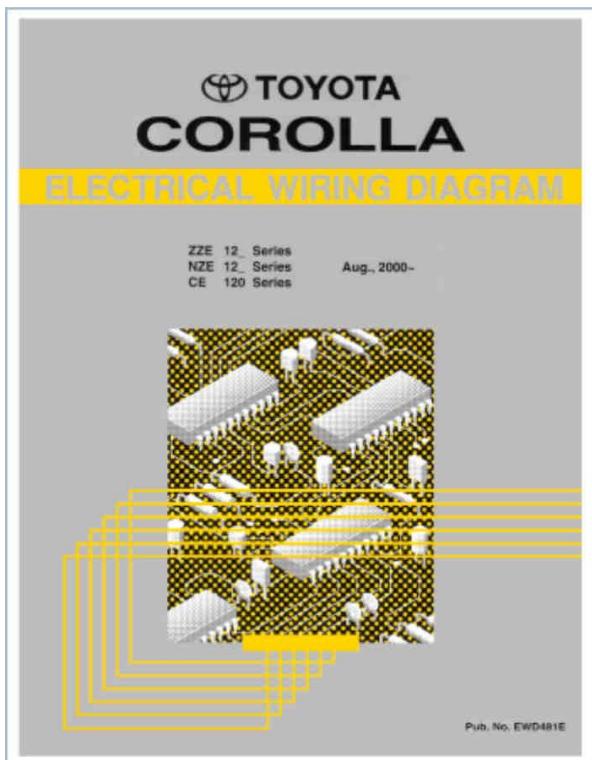
- Mô tả
- Hướng dẫn dùng sơ đồ mạch điện (EWD)

Chúng ta hãy cùng nghiên cứu
về EWD.

Kích chuột lên nút "tiếp theo".



Mô tả



Mô tả

Để hiểu được sơ đồ mạch hệ thống và có thể phát hiện sự cố, bạn phải biết vị trí của các bộ phận được lắp đặt trong xe và cách nối chúng như thế nào.

Sơ đồ EWD được soạn cho mỗi kiểu xe.

Bản vẽ thể hiện mọi điều này được gọi là sơ đồ EWD (Sơ đồ đấu dây điện).

(1/1)

SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỆN XE COROLLA

	Mã chương	Trang
HƯỚNG DẪN	A	2
CÁCH DÙNG TÀI LIỆU NÀY	B	3
KHÁC PHỤC HƯ HỎNG.....	C	12
CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	D	17
BÀNG CÁC THUẬT NGỮ VÀ CÁC KÝ HIỆU.....	E	18
VỊ TRÍ CỦA RƠ LE	F	20
SƠ ĐỒ ĐI DÂY	G	34
MẠCH ĐIỆN HỆ THỐNG.....	H	91
CÁC ĐIỂM NỐI MÁT.....	I	294
NGUỒN ĐIỆN	J	302
DANH SÁCH CÁC GIÁC NỐI.....	K	308
MÃ SỐ CỦA GIÁC NỐI	L	320
SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỆN TỔNG THỂ	M	324

Mục lục của EWD

Mục lục của cuốn sách Sơ đồ mạch điện "EWD" được chỉ ra ở hình bên.

(1/1)

CÁC CHỮ VIẾT TẮT D

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Trong tài liệu này có các chữ viết tắt sau đây.

A/C	= Điều hoà không khí
A/T	= Hộp số tự động
ABS	= Hệ thống phanh chống hâm cứng
COMB.	= Kết hợp, tổ hợp
DLC3	= Giác nối dữ liệu số 3
ECT	= Hộp số điều khiển điện tử
ECU	= Bộ điều khiển điện tử
EFI	= Phun nhiên liệu điện tử
EMPS	= Hệ thống lái trợ lực bằng mô-tơ điện
ESA	= Đánh lùa sớm điện tử
EVAP	= Kiểm soát hơi nhiên liệu
G.C.C.	= Uy ban hợp tác - Vùng vịnh
H/B	= Loại xe Hatchback
ISC	= Điều khiển tốc độ không tải
J/B	= Hộp đầu nối
LED	= Đèn ốp phát sáng
LH	= Bên trái
LHD	= Tay lái thuận, tay lái bên trái
M/T	= Hộp số thường
O/D	= Số truyền tăng
R/B	= Hộp rofle
RH	= Bên phải
RHD	= Tay lái nghịch, tay lái bên phải
S/D	= Loại xe Sedan
SRS	= Hệ thống hạn chế va đập bổ sung
SW	= Công tắc
TEMP.	= Nhiệt độ
TVSS	= Hệ thống bảo vệ xe Toyota
VSV	= Van chuyển chân không
VVT-i	= Hệ thống van nạp biến thiên thông minh
W/G	= Loại xe Wagon
w/	= Với, Có
w/o	= Không có

Các chữ viết tắt

Các chữ viết tắt được sử dụng cho các linh kiện, v.v... thường được sử dụng trong sơ đồ mạch điện (EWD). Một bản danh mục của những chữ tắt này được nêu trong phần "CÁC CHỮ VIẾT TẮT". Khi sử dụng một EWD, hãy tham khảo phần này để tra tìm các thuật ngữ được coi là các chữ viết tắt.

(1/1)

E BẢNG CHÚ GIẢI CÁC THUẬT NGỮ VÀ KÝ HIỆU

ÁC QUY	TIẾP MẮT	GAU CHI	BIÊN TRỞ	KHOA ĐIỆN
TU ĐIỆN	CƠI	(Cầu chì cho dòng điện thường) THANH CẦU CHÌ	BIÊN TRỞ, CHIẾT ÁP	
CÀI CHẨM THUỐC LÁ	CUỘN ĐÁNH LÚA	(Cầu chì dòng cao)		
BỘ NGẠT MẠCH	DÈN		CẨM BIÊN (nhịp điện tròn)	CÔNG TẮC GẠT NƯỚC
DIODE	LED (ĐIÓT PHÁT SÁNG)	1. SƠI ĐỘT ĐƠN 2. SƠI ĐỘT ĐÔI	CẨM BIÊN TỐC ĐỘ (Loại công tắc lưỡi gà)	TRANZITO
DIODE, ZENER	MÔTÔ	ROLE	NỐI TẮT	DÂY ĐIỆN
ĐIÓT QUANG	DÒNG HỒ, LOAI KIM	1. THƯỜNG ĐÓNG 2. THƯỜNG MỞ	VĂN ĐIỆN TỬ	(1) KHÔNG ĐƯỢC NỐI (2) BIÊM CHIA
BỘ CHIA ĐIỆN, IIA	DÒNG HỒ, LOAI HIEN SO	ROLE, HAI TIẾP ĐIỂM	LOA	CÔNG TẮC
	NHIÊN LIỆU	ĐIỆN TRỞ	CÔNG TẮC, HAI TIẾP ĐIỂM	1. THƯỜNG ĐÓNG 2. THƯỜNG MỞ

Bảng chú giải các thuật ngữ và ký hiệu

Sơ đồ mạch điện dùng các ký hiệu để trình bày các linh kiện khác nhau, như ác quy và các bút dẫn.

Các ký hiệu này được liệt kê trong phần "BẢNG CHÚ GIẢI CÁC THUẬT NGỮ VÀ KÝ HIỆU".

(1/1)

Hướng dẫn cách dùng EWD

COROLLA ELECTRICAL WIRING DIAGRAM SYSTEM CIRCUITS

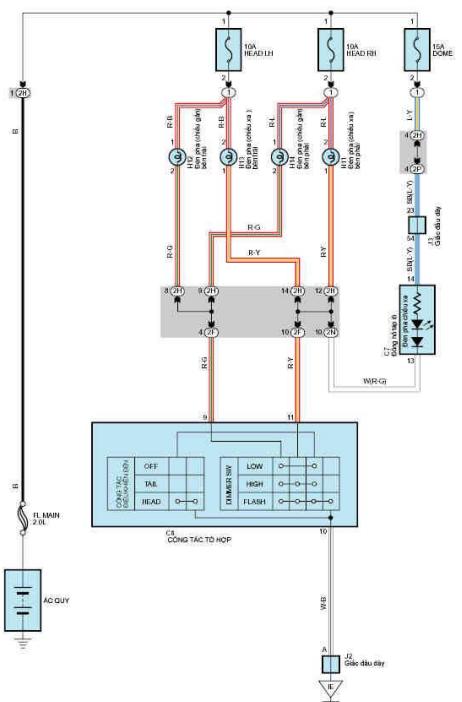
	page
ABS	228
MÁY ĐIỀU HÒA NHỆT ĐÔ (A/C TỰ ĐỘNG)	278
AIR CONDITIONER (MANUAL A/C)	282
BACK-UP LIGHT	182
FLASHER	170
CIGARETTE LIGHTER	168
DÒNG HỒ	170
DUNG CỤ ĐÓ TÓ HƠP	280
CONDENSER FAN (EXCEPT 2C)	288
CONDENSER FAN (2C)	272
COOLER	288
DOOR LOCK CONTROL (LHD)	180
DOOR LOCK CONTROL (RHD)	186
ECT AND AT INDICATOR (INZ-FE, 2NZ-FE)	220
ECT AND AT INDICATOR (1ZZ-FE, 3ZZ-FE)	214
EMPO	228
ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ (INZ-FE, 2NZ-FE)	114
ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ (INZ-FE, 2ZZ-FE)	102
ENGINE IMMOBILIZER SYSTEM	130
FRONT FOG LIGHT	138
FRONT WIPER AND WASHER	172
GLOW PLUG (2C)	128
ĐÈN PHA (UC)	138
ĐÈN PHA (KHÔNG KÈ UC)	134
HEATER	292
HORN	240
ILLUMINATION	148
INTERIOR LIGHT	140
KEY REMINDER	164
LIGHT REMINDER BUZZER	164
MOON ROOF	248
POWER OUTLET	272
POWER WINDOW	206
RADIATOR FAN (EXCEPT 2C)	288
RADIATOR FAN (2C)	272
RADIO AND PLAYER	252
REAR WIPER AND WASHER	178
REAR WIPER AND WASHER	280
REMOTE CONTROL MIRROR	242
SEAT BELT WARNING	242
SHIFT LOCK	248
SRS	292
STARTING AND IGNITION	98
STOP LIGHT	158
TAILLIGHT	154
TURN SIGNAL... AND HAZARD WARNING LIGHT	150
TVSS (AUSTRALIA)	210
WIRELESS DOOR LOCK CONTROL (LHD)	172
WIRELESS DOOR LOCK CONTROL (RHD)	198

91

Các mạch của hệ thống

Trang mục lục liệt kê mọi hệ thống theo trình tự vần chữ cái. Một phần giải thích của mỗi mục trong mạch hệ thống sẽ được trình bày bắt đầu từ trang tiếp theo.

(1/2)

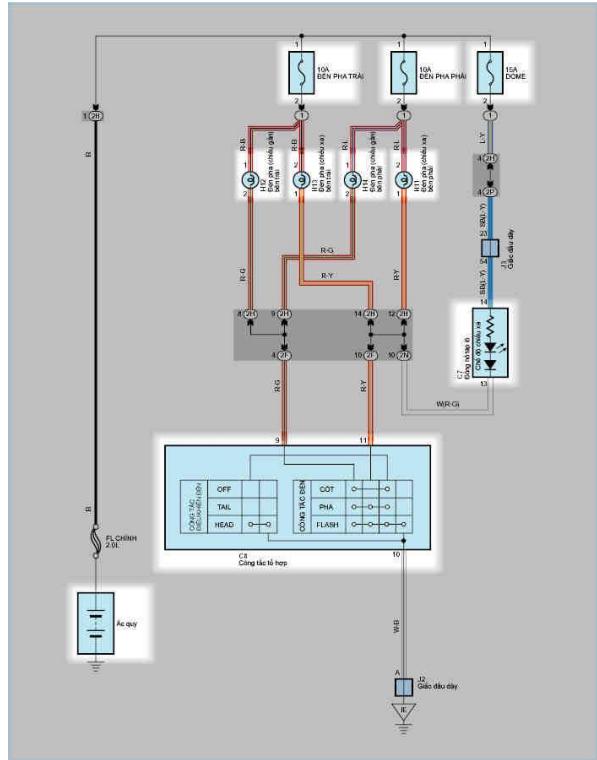


Các bộ phận

Các khu vực in đậm thể hiện các bộ phận.

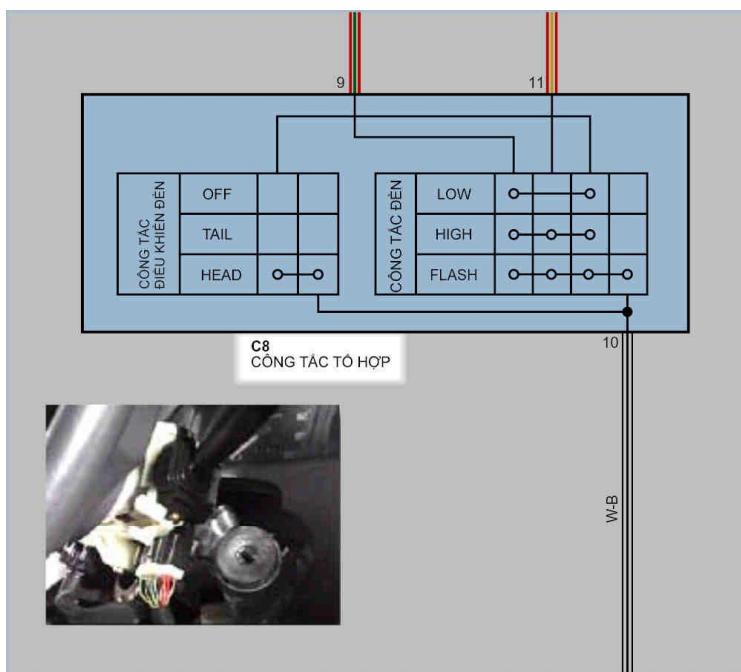
Các bộ phận này được thể hiện bằng màu xanh da trời.

(1/6)



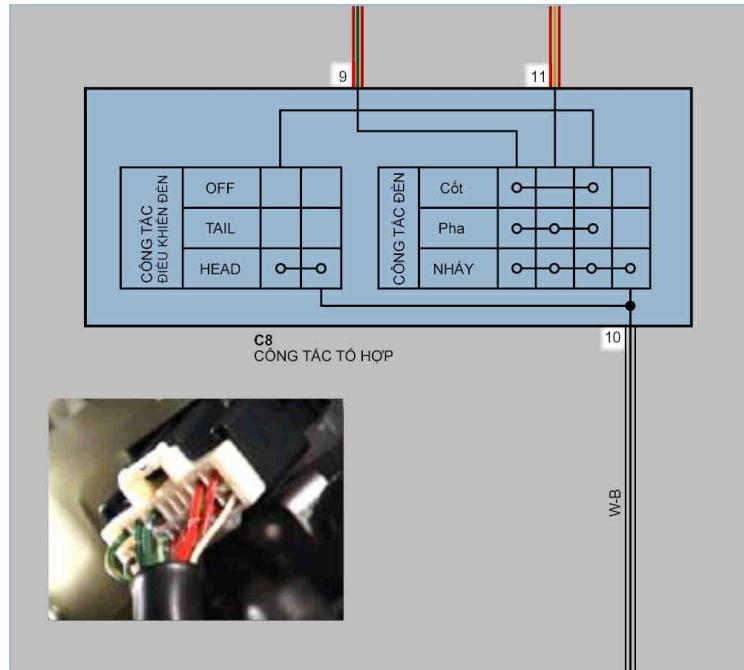
"C8" thể hiện mã của giắc nối, và chữ "COMBINACIÓN SW-Công tắc tổ hợp" chỉ rõ tên của bộ phận này.

(2/6)



Các số (9, 10, 11) trình bày các số hiệu chân của giắc nối.

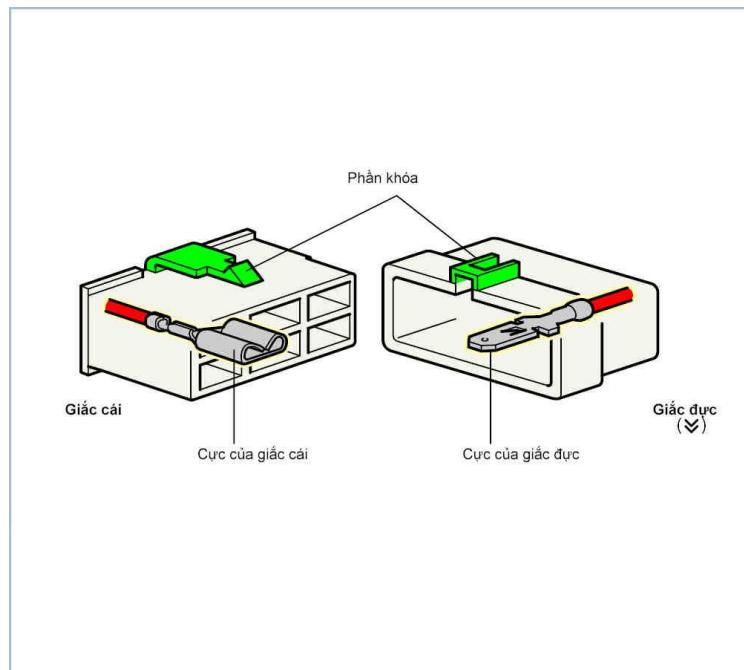
(3/6)

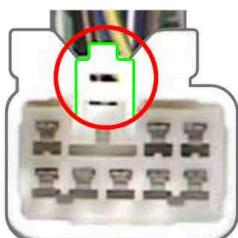
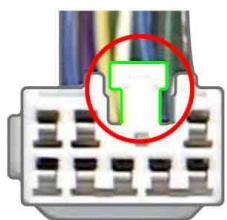


1. Cách đọc số chân của giắc nối

Các chân cắm gồm có các chân đực và chân cái, trong đó các chân đực được cắm vào các chân cái. Các giắc nối có các chân đực được gọi là các giắc đực, và các giắc nối có các chân cái được gọi là các giắc cái. Các giắc nối có khóa để bảo đảm cho các giắc nối được nối vững chắc.

(4/6)

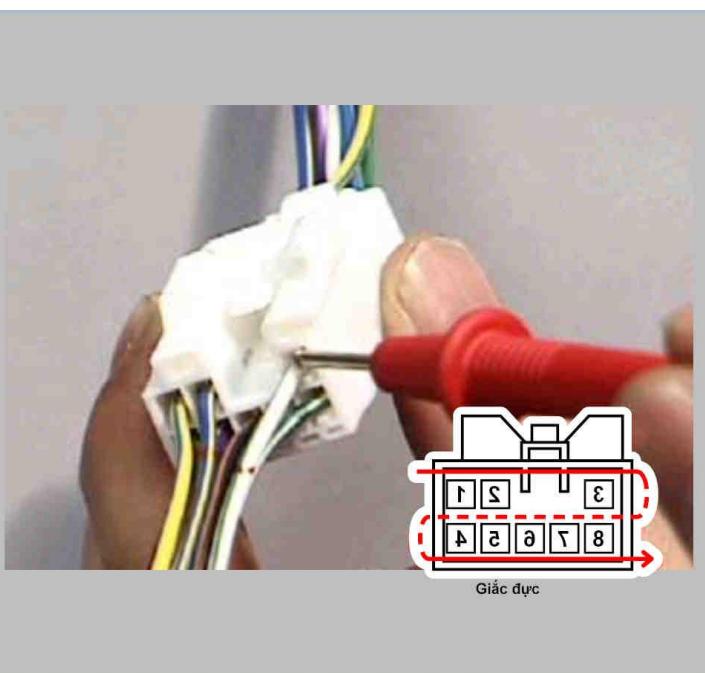
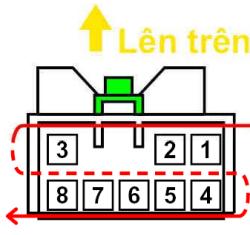
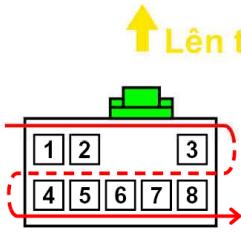




Phần khóa của giắc nối hướng lên trên để khi đọc các số chân trên bề mặt của mối nối, các số này được đọc từ phần trên bên trái đối với giắc cái như trình bày ở bên trái trong hình minh họa.

Đối với giắc đực, các số này được đọc từ phần trên bên phải như hình ảnh trong gương của giắc cái được thể hiện ở bên phải của hình minh họa.

(5/6)



Khi dùng đồng hồ đo điện để kiểm tra điện áp, phải dùng một đầu dò như được thể hiện trong hình vẽ để kiểm tra điện áp này.

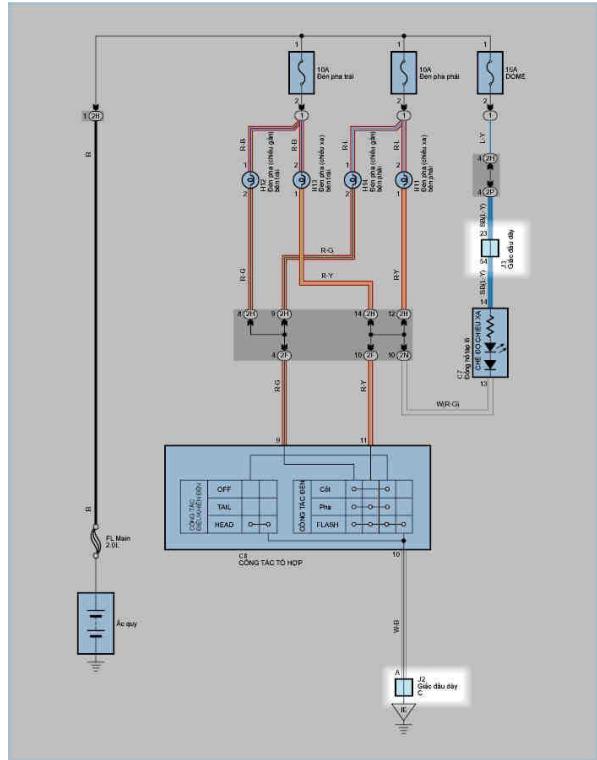
Tuy nhiên, tại thời điểm này số chân được đọc từ phía sau của giắc nối. Do đó, đó là chiều ngược khi đọc từ mặt trước của giắc nối, cần phải cẩn thận khi đọc các số chân của giắc nối.

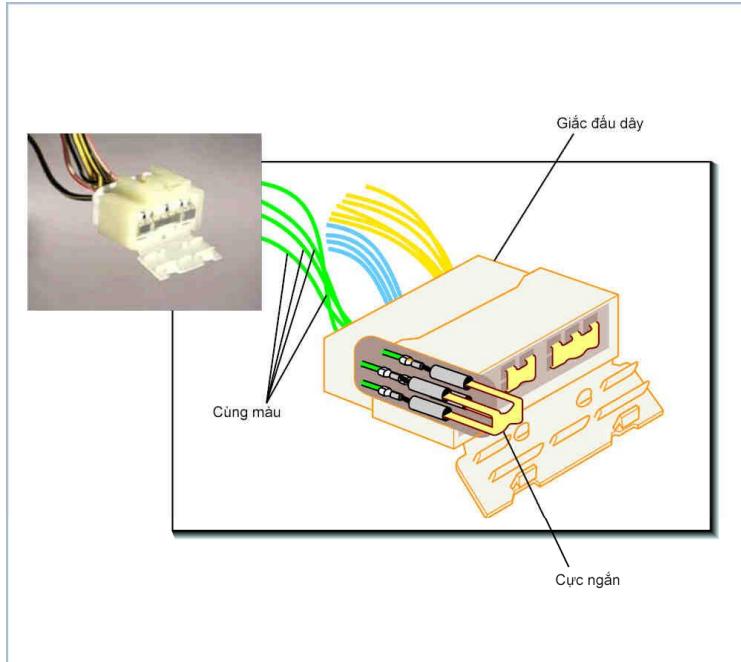
(6/6)

Giắc đấu dây

Các khu vực in chữ đậm thể hiện các giắc đấu dây

(1/3)

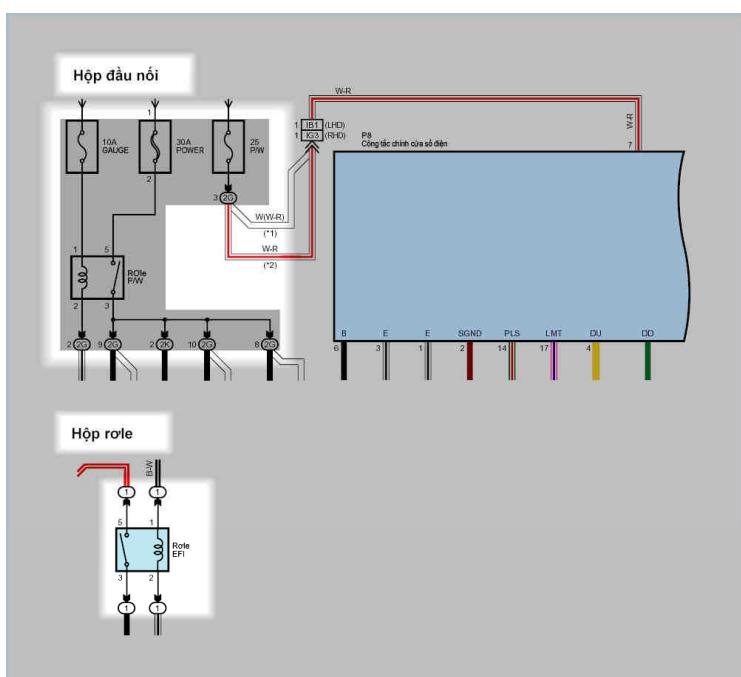




1. Cấu tạo của giắc đấu dây

Như được trình bày trong hình vẽ, cấu tạo của giắc đấu dây gồm có các cực ngắn có nhiều dây dẫn cùng màu được nối với nhau.

(3/3)



Hộp đầu nối và Hộp rơ rơle

Khu vực in đậm thể hiện hộp đầu nối. Hộp đầu nối này có chức năng tập hợp và nối các mạch điện ở bên trong hộp và tổ hợp các rơle, các cầu chì, các cầu dao cắt mạch, v.v.., thành các tấm mạch.

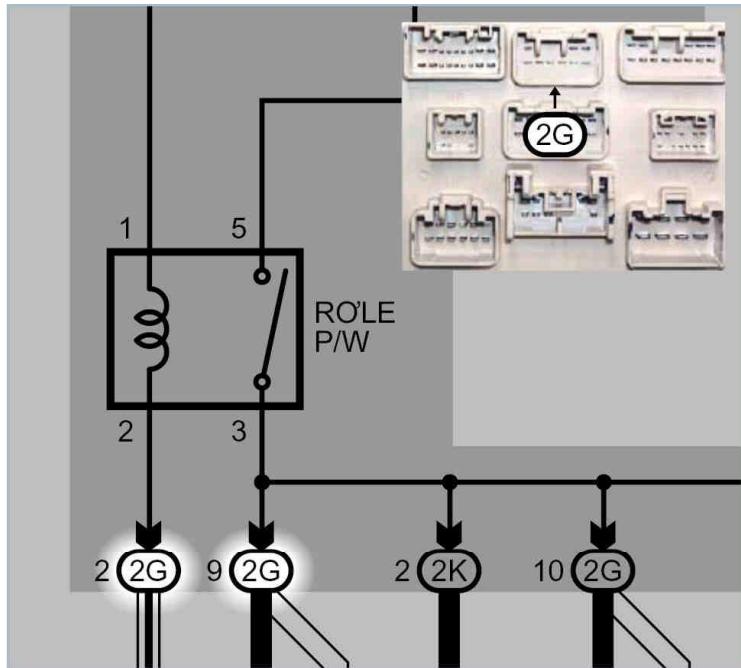
Một số bộ phận của hộp đầu nối không chứa các rơle, cầu chì, v.v..., mà chỉ dùng làm một giắc nối.

Hộp rơle này có cấu tạo gần giống với cấu tạo của hộp đầu nối, nhưng nó không tập hợp và nối các mạch điện ở bên trong hộp. Sơ đồ mạch điện được chia và thể hiện như sau. Hộp đầu nối: Nền màu xám. Hộp rơle: Nền không màu.

(1/1)

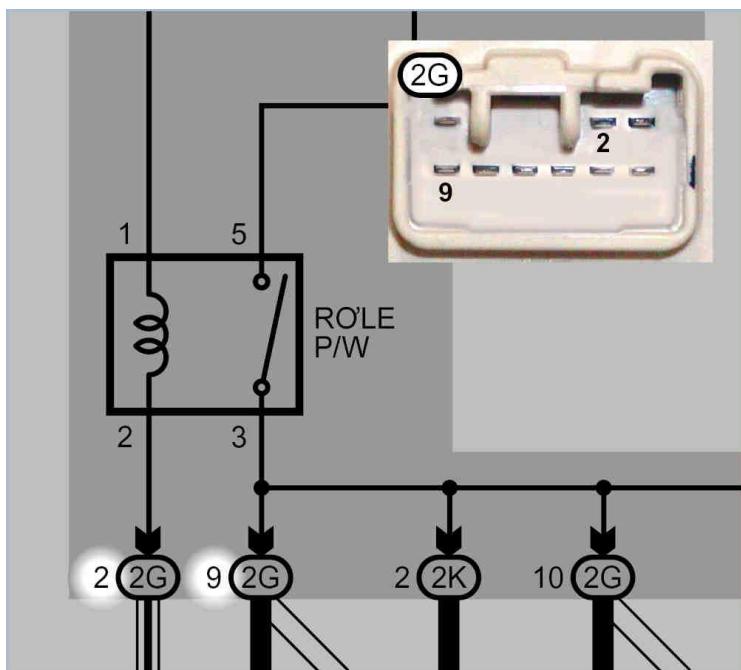
1. Số hiệu hộp đầu nối và mã giắc nối

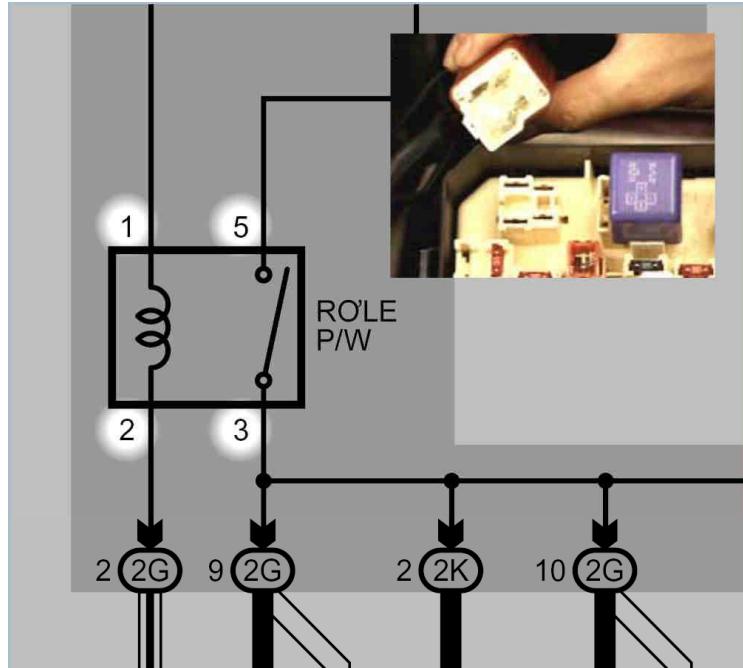
Số này ở trong hình elip (2) thể hiện số hiệu của hộp đầu nối, và chữ (G) thể hiện mã của giắc nối.



2. Số chân của giắc nối

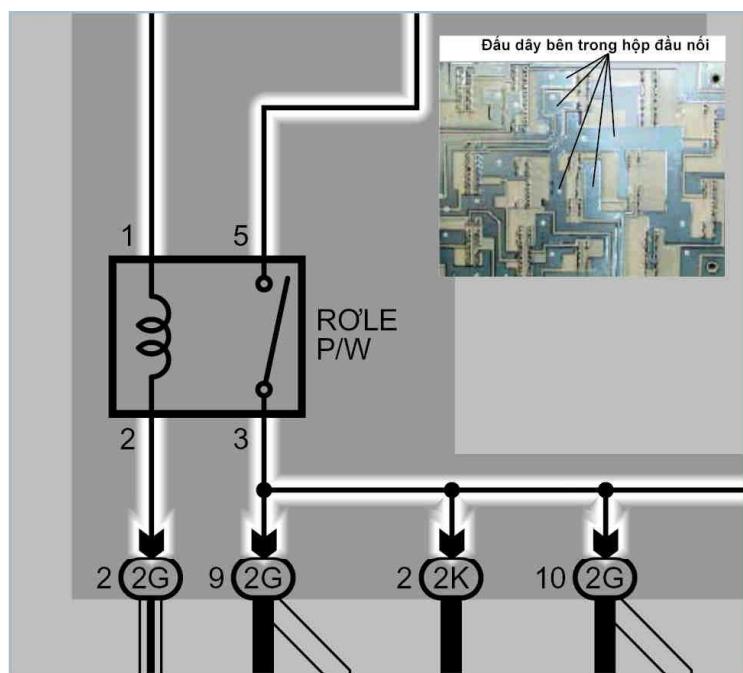
Các số này (2, 9) cho thấy các số chân của giắc nối.





3. Số chân cắm

Các số (1, 2, 3, 5) thể hiện các số chân của role PW.



4. Đầu dây bên trong

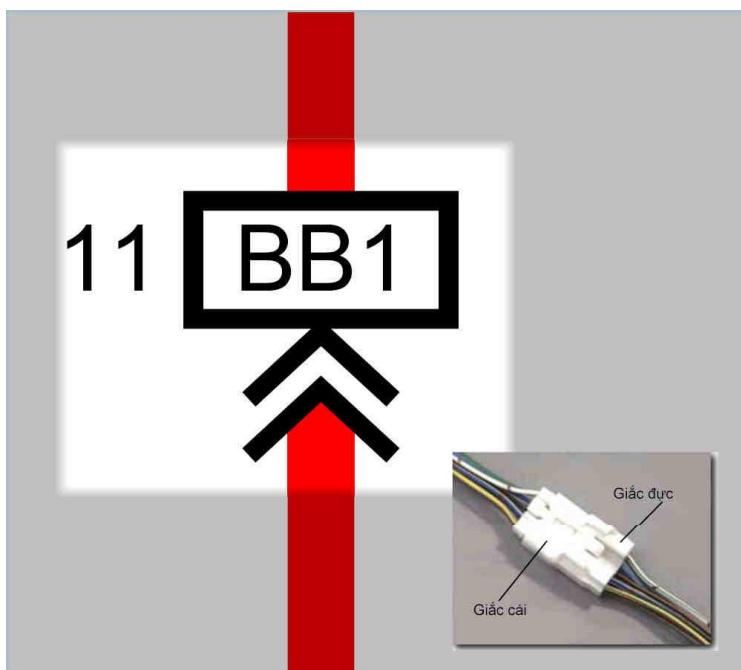
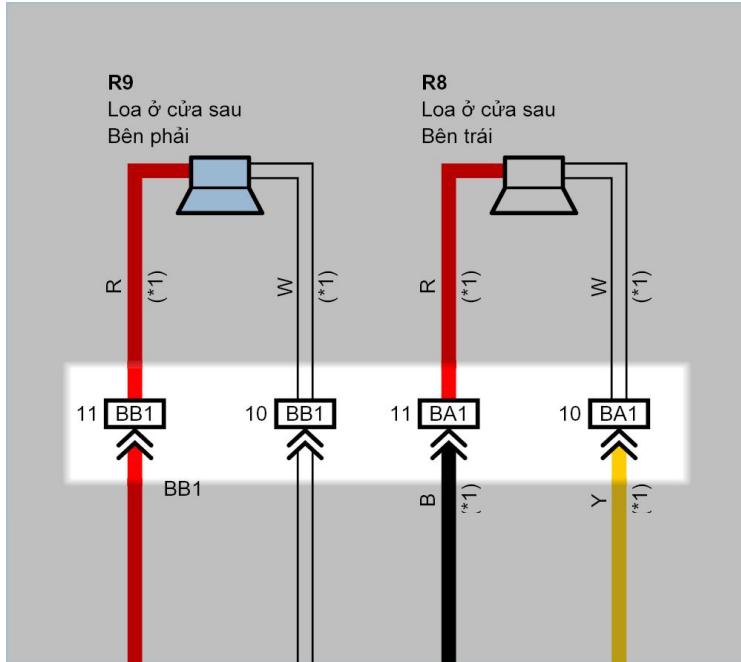
Các dòng này thể hiện việc đấu dây bên trong hộp đầu nối.

(1/1)

Giắc nối nối Dây dẫn và Dây dẫn

Khu vực in đậm cho thấy các ký hiệu của các giắc nối để nối các dây dẫn.

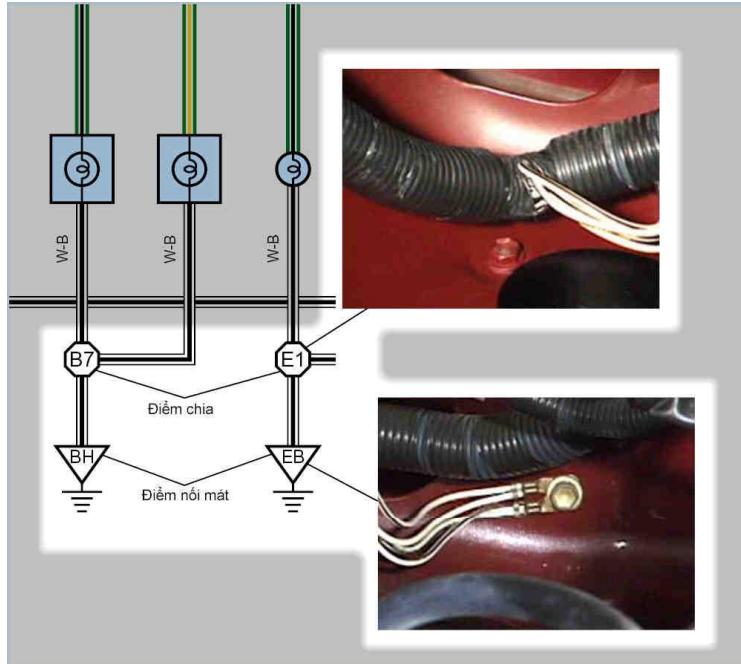
(1/2)



Các chữ số trong hình chữ nhật (BB1) thể hiện mã của giắc nối, và số ở bên ngoài hình chữ nhật (11) thể hiện số chân cắm.

Cũng như vậy ký hiệu (^) chỉ rõ bên giắc đực.

(2/2)

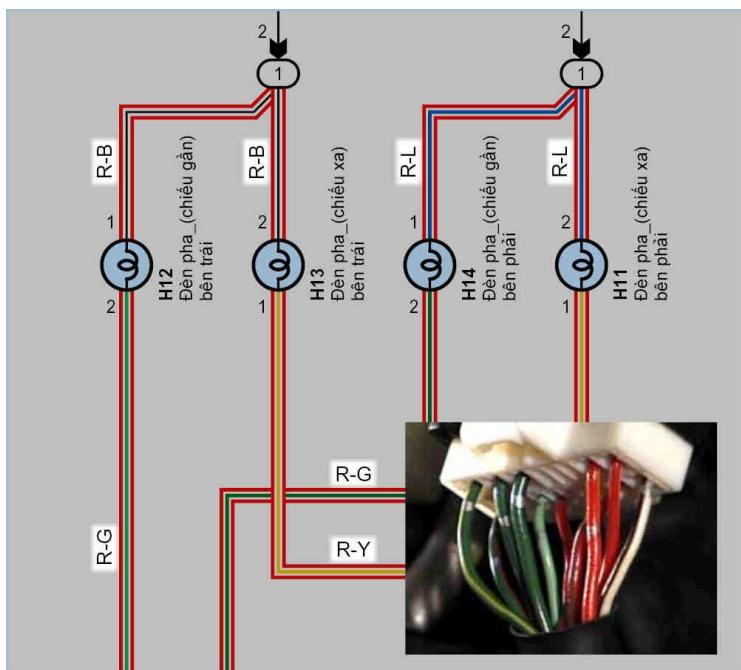


Các điểm chia và điểm nối mát

Ký hiệu hình lục giác trong vùng in đậm thể hiện điểm chia, và ký hiệu hình tam giác thể hiện điểm nối mát.

Điểm chia nối vào dây không phải đi qua một giắc nối. (B7) và (E1) là các mã của điểm chia. Điểm tiếp mát nối dây với thân xe hoặc động cơ, v.v... (BH) và (EB) là các mã của điểm nối mát.

(1/1)



Màu của dây

Các chữ cái trong khu vực sáng màu thể hiện màu của dây.

Các màu của dây cũng bao gồm cả các màu có sọc. Các màu này được thể hiện bằng chữ L-Y có chữ đầu tiên là chữ viết tắt của màu nền của dây và chữ thứ hai viết tắt cho màu có sọc.

Gợi ý:

Một vài sơ đồ mạch điện cho thấy các màu thực tế của các màu trên dây, và một số EWD khác thể hiện các dây với màu đen và trắng.

(1/1)

- ý nghĩa của các chữ

B	• • Đen		BR	• • Nâu	
G	• • Xanh lục		GR	• • Xám	
L	• • Xanh lam		LG	• • Xanh lục Sáng	
O	• • Da cam				
R	• • Đỏ		P	• • Hồng	
W	• • Trắng		V	• • Tím	
SB	• • Xanh da trời		Y	• • Vàng	

Ví dụ về loại kè sọc

L – Y



J NGUỒN ĐIỆN

Hộp roto khoang động cơ (Xem trang 24 (ĐC xăng), 26 (ĐC Diesel))

Cầu chì	Hệ thống	Trang
5A	ALT-S	Nạp điện
10A	HAZARD	Đèn xinhan và đèn báo khẩn cấp
10A	Đèn pha trái	Đèn pha (úc) Đèn pha (không kè úc)
10A	Đèn pha phải	Đèn pha (úc) Đèn pha (không kè úc)
10A	Còi	Còi
		Máy điều hòa nhiệt độ (A/C tự động)
		Đồng hồ
		Đồng hồ tập lô
		Điều khiển động cơ (1NZ - FE, 2NZ - FE)
		Điều khiển động cơ (1NZ - FE, 3ZZ - FE)
		Đèn pha (úc)
		Đèn pha (không kè úc)
		Đèn trong xe
		Bộ nhắc chìa khóa và còi nhắc đèn
		Radio và máy quay đĩa
		Cánh báo dây an toàn
		TVSS (úc)
		Điều khiển khóa cửa từ xa (LHD)
		Điều khiển khóa cửa từ xa (RHD)
		Đèn báo ECT và A/T (1NZ - FE, 2NZ - FE)

Nguồn điện

Trong phần này, bạn sẽ biết các hệ thống nào được bảo vệ bằng mỗi cầu chì.

Chẳng hạn như, sơ đồ này cho thấy rằng cầu chì "10A, Còi" chỉ bảo vệ "Còi".

Cũng vậy, cầu chì "15A, DOME" bảo vệ nhiều hệ thống, bao gồm "Đèn trần", "Máy điều hòa không khí (A/C tự động)", "Đồng hồ", "Đồng hồ táp lô", và các hệ thống khác. Các số trang ở sơ đồ là các mạch của hệ thống.

(1/1)

R3 (A) RAĐIÔ VÀ MÁY QUAY BĂNG ĐĨA
 (A) 4-TIẾP MÁT : Luôn xấp xỉ 12 V
 (A) 3-TIẾP MÁT : Xấp xỉ 12 Với khoá điện tại vị trí ACC hay ON
 (A) 7-TIẾP MÁT : Luôn thông mạch

○ : VỊ TRÍ CỦA CÁC CHI TIẾT

Mã	Xem Trang	Mã	Xem Trang	Mã	Xem Trang
F9	52 (RHD)	R3 A	41 (LHD)	R9	43 (LHD S/D)
	42 (LHD S/D)		53 (RHD)		45 (LHD W/G)
	44 (LHD W/G)		41 (LHD)		53 (RHD S/D)
	54 (RHD S/D)		53 (RHD)		57 (RHD W/G)
	56 (RHD W/G)		41 (LHD)		59 (RHD H/B)
	58 (RHD H/B)		53 (RHD)		55 (RHD S/D)
	42 (LHD S/D)		43 (LHD S/D)		57 (RHD W/G)
			45 (LHD W/G)		59 (RHD H/B)
			47 (LHD S/D)		55 (RHD S/D)
					57 (RHD W/G)

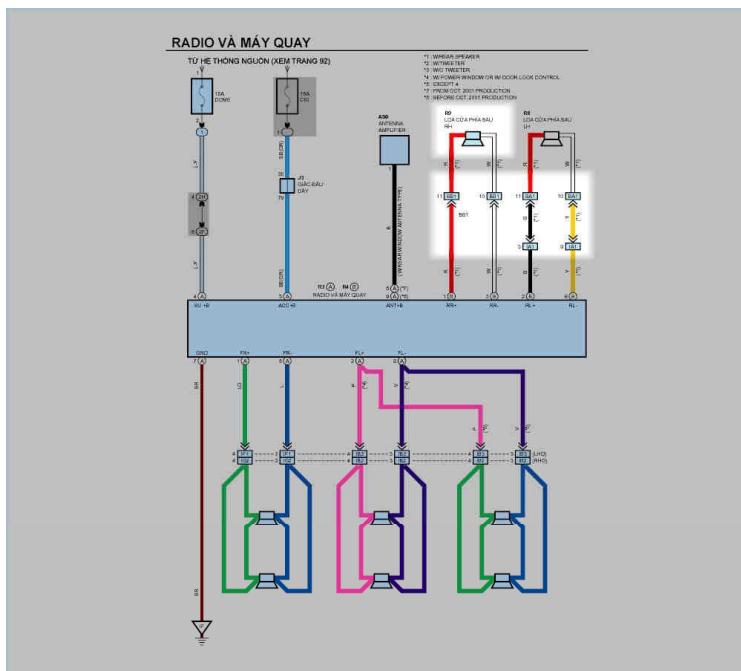
:GIÁC NỐI NỐI GIỮA DÂY ĐIỆN VÀ DÂY ĐIỆN

Mã	Xem Trang	Nối Dây điện và Dây điện (Vị trí của giắc nối)
IA1	66 (LHD)	Dây điện bảng tap lô và Dây điện sàn xe (Tấm đế chân bên trái)
	80 (RHD)	
IB2	80 (RHD)	Dây điện cửa trước bên trái và Dây điện bảng tap lô (Tấm đế chân bên trái)
IB3	66 (LHD)	
IF1	68 (LHD)	Dây điện cửa trước bên phải và Dây điện bảng tap lô (Tấm đế chân bên phải)
IG2	82 (RHD)	
	70 (LHD S/D)	
	72 (LHD W/G)	
BA1	84 (RHD S/D)	Dây điện cửa sau bên trái và Dây điện sàn xe (Bên trái của trụ xe giữa)
	86 (RHD W/G)	
	88 (RHD H/B)	
	70 (LHD S/D)	
	72 (LHD W/G)	
BB1	84 (RHD S/D)	Dây điện cửa sau bên phải và Dây điện sàn xe (Bên phải của trụ xe giữa)
	86 (RHD W/G)	
	88 (RHD H/B)	

Thông tin về mạch hệ thống

Khi vùng này được sửa chữa hoặc kiểm tra
 được tìm thấy trong sơ đồ của mạch hệ thống,
 hãy tham khảo các trang tiếp theo ở sơ đồ sau.
 Trang này cho một tổng quan và những gợi ý
 đối với hệ thống này. Nó cũng cung cấp phần
 tham khảo đối với "Sơ đồ dò dây điện" thể hiện
 vị trí của các bộ phận ở trên xe.

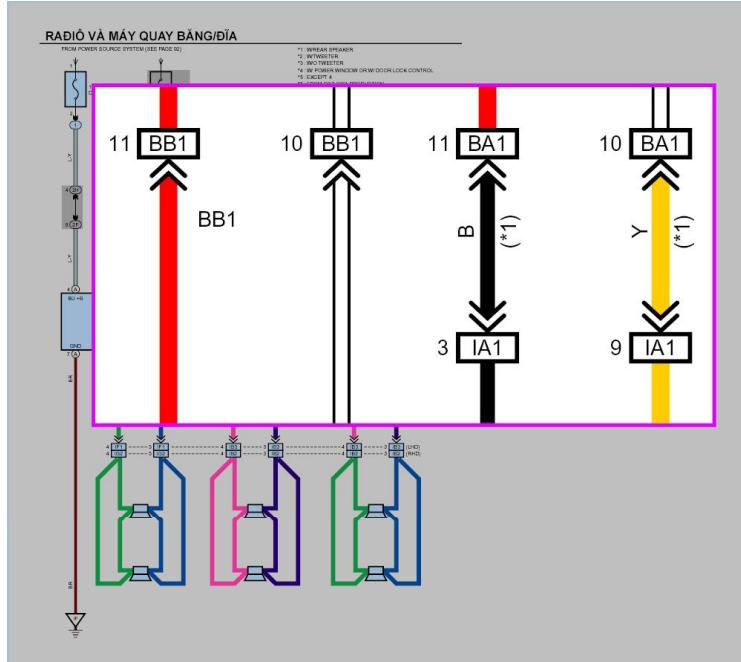
(1/1)



Tìm vị trí mong muốn

Lấy một ví dụ, chúng ta hãy tìm "chân 11 của giắc nối BB1" của Radio và máy quay và loa ở cửa sau cũng như vị trí của loa ở cửa sau Phải". (Xe này là loại xe sedan có tay lái bên trái).

(1/8)



Trước hết, chúng ta hãy tìm "Vị trí chân 11 của giắc nối dây dẫn và dây dẫn gọi là BB1" (Xe này là loại xe sedan có tay lái bên trái) (2/8)

F10	54 (RHD S/D) 56 (RHD W/G) 58 (RHD H/B)	R8	55 (RHD S/D) 57 (RHD W/G) 59 (RHD H/B)	T6	55 (RHD S/D) 57 (RHD W/G) 59 (RHD H/B)
-----	--	----	--	----	--

:HỌP RỘI

Mã	Xem trạng	Hộp role (Vị trí của hộp role)
1	24 (Gasoline) 26 (Diesel)	Hộp role khoang động cơ (Bên trái khoang động cơ)

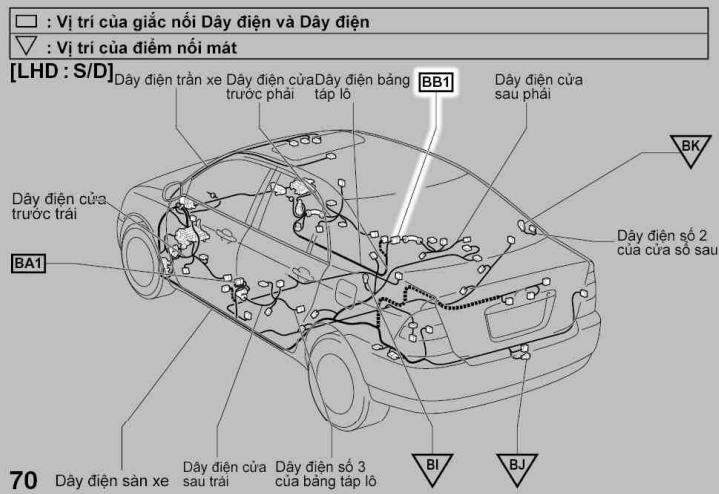
Ø : HỘP ĐẦU NÓI VÀ GIÁC NÓI DÂY ĐIỆN

Mã	Xem trang	Hộp đầu nồi và Đầu điện (Vị trí giắc nồi)
2F	29 (LHD)	Đầu điện báng táp lò và Hộp nồi báng táp lò (Tâm ốp bên dưới)
	29 (RHD)	Đầu điện báng táp lò và Hộp nồi báng táp lò (Bên trái báng táp lò)
2H	29 (LHD)	Đầu điện chính khoang động cơ và Hộp đầu nồi báng táp lò (Tâm ốp phía dưới)
	29 (RHD)	Đầu điện chính khoang động cơ và Hộp đầu nồi báng táp lò (Bên trái của báng táp lò)
2P	29 (LHD)	Đầu điện báng táp lò và Hộp nồi báng táp lò (tâm ốp bên dưới)
	29 (RHD)	Đầu điện báng táp lò và Hộp nồi báng táp lò (Bên trái báng táp lò)

GIÁC NÓI NÓI GIỮA DÂY ĐIỆN VÀ DÂY ĐIỆN

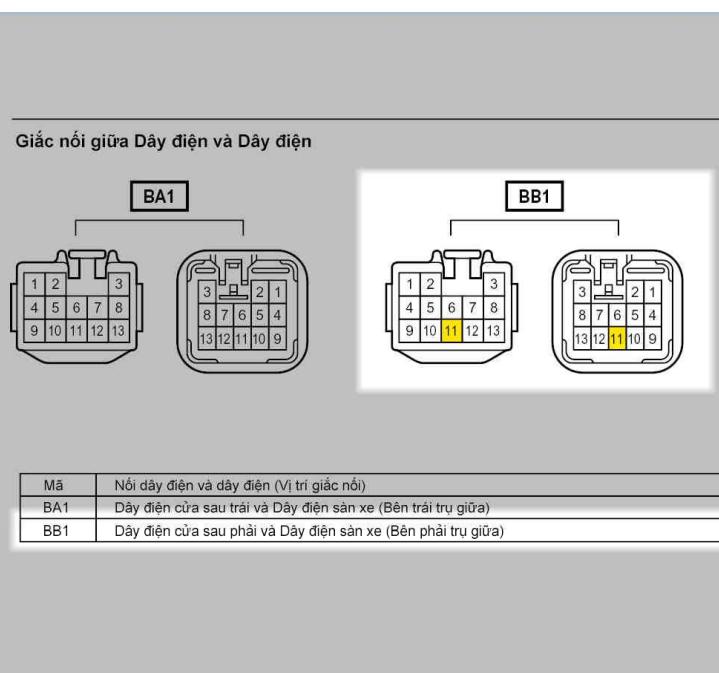
Mã	Xem trang	Nội giữa Dây điện và Dây điện (Vị trí giắc nối)
IA1	66 (LHD) 80 (RHD)	Dây điện bảng táp lô và Dây điện sàn xe (Tầm để chân bên trái)
IB2	80 (RHD)	
IB3	66 (LHD)	Dây điện cửa trước trái và Dây điện bảng táp lô (Tầm để chân bên trái)
IF1	68 (LHD)	
IG2	82 (RHD)	Dây điện cửa trước phải và Dây điện bảng táp lô (Tầm để chân bên phải)
	70 (LHD S/D) 72 (LHD W/G) 84 (RHD S/D) 86 (RHD W/G) 88 (RHD H/B)	
BA1		Dây điện cửa sau trái và Dây điện sàn xe (Bên trái tru giữa)
	70 (LHD S/D) 72 (LHD W/G) 84 (RHD S/D) 86 (RHD W/G) 88 (RHD H/B)	
BB1		Dây điện cửa sau phải và Dây điện sàn xe (Bên phải tru giữa)

G SƠ ĐỒ ĐI DÂY



Mở tới trang 70 chúng ta thấy tiêu đề "Vị trí của giắc nối dây dẫn và dây dẫn". Cho chúng ta thấy vị trí của giắc nối BB1 ở trên xe.

(4/8)



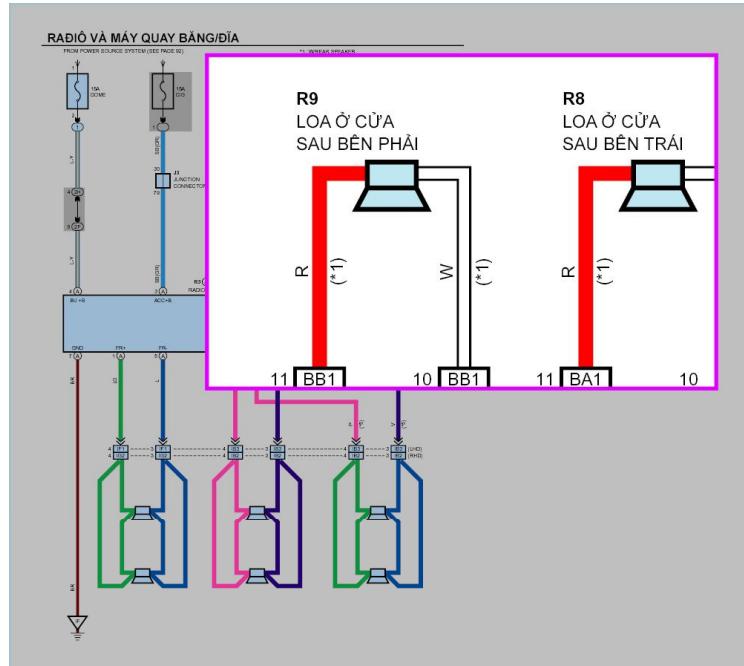
Sau đó mở sang trang tiếp theo chúng ta có thể thấy sơ đồ số chân cắm BB1. Sơ đồ này cho chúng ta thấy hình dạng của đầu nối này và vị trí của chân cắm 11 trong giắc nối BB1.

Chúng ta cũng có thể tìm vị trí của chân cắm này bằng cách tìm mã giắc nối ở phần có tên "DANH SÁCH GIẮC NỐI".

(5/8)

Tiếp đến, chúng ta hãy tìm vị trí của mă giắc nối R9 "LOA Ở CỬA SAU BÊN PHẢI".

(6/8)



R3 (A) RADIÓ VÀ MÁY QUAY BĂNG/DĨA
 (A) 4-NOI MẤT : Luôn luôn xấp xỉ 12 V
 (A) 3-NOI MẤT : Xấp xỉ 12 V khi khóa điện ở vị trí ACC hoặc ON
 (A) 7-NOI MẤT : Luôn luôn thông mạch

○ : VỊ TRÍ CỦA CÁC CHI TIẾT

Mã	Xem trang	Mã	Xem trang	Mã	Xem trang
A30	52 (RHD)	J3	41 (LHD)	43 (LHD S/D)	
F9	42 (LHD S/D) 44 (LHD W/G) 54 (RHD S/D) 56 (RHD W/G) 58 (RHD H/B)	R3 A	53 (RHD) 41 (LHD) 53 (RHD)	45 (LHD W/G) 55 (RHD S/D) 57 (RHD W/G) 59 (RHD H/B)	
F10	42 (LHD S/D) 44 (LHD W/G) 54 (RHD S/D) 56 (RHD W/G) 58 (RHD H/B)	R4 B	41 (LHD) 53 (RHD)	55 (RHD S/D) 57 (RHD W/G) 59 (RHD H/B)	
		R8	43 (LHD S/D) 45 (LHD W/G) 55 (RHD S/D) 57 (RHD W/G) 59 (RHD H/B)	57 (RHD W/G) 59 (RHD H/B)	
				T5	55 (RHD S/D) 57 (RHD W/G) 59 (RHD H/B)
				T6	55 (RHD S/D) 57 (RHD W/G) 59 (RHD H/B)

○ : HỘP RƠLE

Mã	Xem trang	Các hộp rơle (vị trí của hộp rơle)
1	24 (Gasoline) 26 (Diesel)	Hộp rơle khoang động cơ (bên trái khoang động cơ)

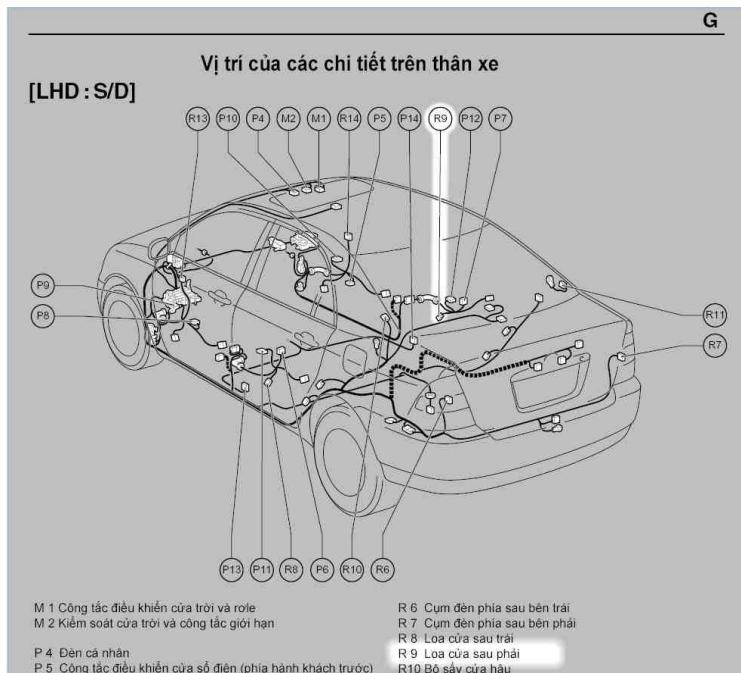
○ : HỘP ĐẦU NỐI VÀ GIÁC NỐI DÂY

Mã	Xem trang	Hộp đầu nối và Dây điện (vị trí giắc nối)
2F	28 (LHD) 29 (RHD)	Dây điện bảng lắp lõi và Hộp nối bảng lắp lõi (tâm ốp bên dưới)
2H	29 (LHD) 29 (RHD)	Dây điện chính khoang động cơ và Hộp đầu nối bảng lắp lõi (Tâm ốp phía dưới)
2P	29 (LHD) 29 (RHD)	Dây điện chính khoang động cơ và Hộp đầu nối bảng lắp lõi (Bên trái của bảng lắp lõi)

□ : GIÁC NỐI GIỮA DÂY ĐIỆN VÀ DÂY ĐIỆN

Chuyển tới trang thông tin về mạch hệ thống.
 "Mă giắc nối của loa cửa sau bên phải" là R9.
 Mục có tên "Vị trí của các bộ phận" chỉ dẫn chúng ta đến trang 43 của R9 (LHD S/D).

(7/8)



Trang 43 có đầu đề "Vị trí của các bộ phận ở thân xe". Trang này cho chúng ta thấy vị trí của bộ phận tương ứng với mã của giắc nối R9 của Loa ở cửa sau bên phải trên xe này. Vị trí của các bộ phận này có thể tìm thấy như sau:

(8/8)

Bài tập

Hãy sử dụng các bài tập này để kiểm tra mức hiểu biết của bạn về các tài liệu trong chương này. Sau khi trả lời mỗi bài tập, bạn có thể dùng nút tham khảo để kiểm tra các trang liên quan đến câu hỏi về dòng điện. Khi các bạn có câu trả lời đúng, hãy trở về văn bản để duyệt lại tài liệu và tìm câu trả lời đúng. Khi đã trả lời đúng mọi câu hỏi, bạn có thể chuyển sang chương tiếp theo.

Trong chương này, phiếu hướng dẫn thực hành được chuẩn bị như một phần của các bài tập. Kích chuột lên câu có gạch chân sau đây, và mở phiếu hướng dẫn thực hành. Rồi in ra trước khi sử dụng.

Câu hỏi- 1

Những câu sau đây liên quan đến EWD. Đánh dấu đúng sai cho mỗi câu sau đây.

Số.	Câu hỏi	Đúng hoặc Sai	Các câu trả lời đúng
1.	Có thể kiểm tra hình dạng của giắc nối trong mục "Mạng hệ thống". Đúng, Sai.	<input checked="" type="radio"/> Đúng <input type="radio"/> Sai	<input type="text"/>
2.	Có thể kiểm tra vị trí của các bộ phận trong mục "Sơ đồ đi dây điện". Đúng, Sai.	<input checked="" type="radio"/> Đúng <input type="radio"/> Sai	<input type="text"/>
3.	Trong mục lục của "Mạch hệ thống", các tên của hệ thống được xếp theo vần chữ cái. Đúng, Sai.	<input checked="" type="radio"/> Đúng <input type="radio"/> Sai	<input type="text"/>
4.	Trong "Bảng kê giắc nối" có thể kiểm tra vị trí của mã giắc nối ở trên xe. Đúng, Sai.	<input checked="" type="radio"/> Đúng <input type="radio"/> Sai	<input type="text"/>

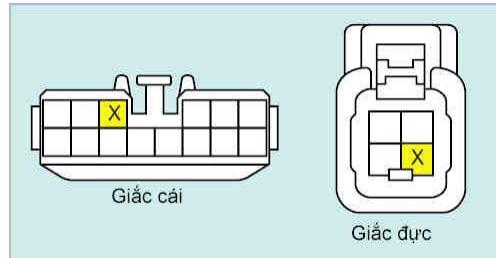
Câu hỏi- 2

Trong hình minh họa, tìm vị trí phần khóa của giắc nối ở trên đĩnh, và đọc số chân cắm từ phía nối.

Phần "X" của đầu nối ở hình minh họa sau đây chỉ cùng số hiệu của chân cắm.

Từ nhóm từ sau đây, chọn số chân cắm thích hợp.

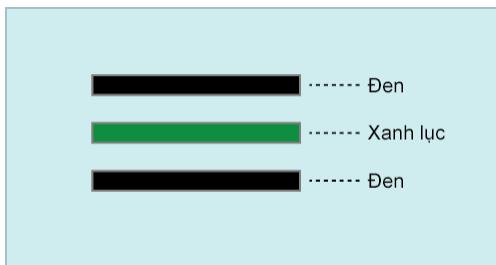
- 1. Chân số 1
- 2. Chân số 2
- 3. Chân số 3
- 4. Chân số 4



Câu hỏi- 3

Khi mã màu của dây là L-B, chọn mã thích hợp mà dây được chỉ ở EWD.

1.



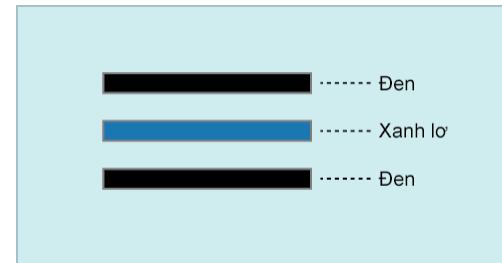
2.



3.



4.



- 1 2 3 4